

DỰ THẢO 1

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Thương mại điện tử.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam;
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Quy định rõ các khái niệm như: “hoạt động thương mại điện tử”, “thương mại số”, “nền tảng số thương mại điện tử”, “Nền tảng số trung gian trong thương mại điện tử”, “website thương mại điện tử”, “ứng dụng thương mại điện tử”, “dịch vụ thương mại điện tử”, “nền tảng số đa dịch vụ”, “dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử”, “dịch vụ tiếp thị liên kết cho thương mại điện tử”, “Chủ quản nền tảng số”, “Chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử”, v.v...

Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử

- Nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong giao dịch thương mại điện tử.
- Nguyên tắc xác định phạm vi hoạt động kinh doanh trong thương mại điện tử.

- Nguyên tắc xác định nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử.

- Nguyên tắc đồng nhất giữa kinh doanh hàng hóa trong môi trường truyền thông và môi trường điện tử.

- Nguyên tắc xử lý về lỗi nhập thông tin trong chứng từ điện tử.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 5. Những hành vi bị cấm

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho thương nhân, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên nền tảng số thương mại điện tử

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho chủ quản nền tảng số thương mại điện tử: cấm chỉnh sửa hoặc không công khai đánh giá của người dùng làm thay đổi nội dung đánh giá... trừ trường hợp nội dung đánh giá vi phạm các quy định pháp luật Việt Nam v.v..

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới thông qua TMĐT: Không được cung cấp hàng hóa, dịch vụ khi chưa hoàn thành thủ tục với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

- Nhóm hành vi bị cấm dành cho đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (dịch vụ trung gian, dịch vụ logistics, thanh toán v.v.): không hợp tác, cung cấp dịch vụ cho nền tảng số thương mại điện tử chưa đáp ứng điều kiện hoạt động tại Việt Nam.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển thương mại điện tử

- Tạo điều kiện thuận lợi để thương nhân, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, đa dạng hóa các kênh phân phối hiện đại, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

- Tạo điều kiện thuận lợi huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, phát triển nhân lực cho cơ quan, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử và cơ quan, tổ chức có liên quan; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa công tác tư vấn, hỗ trợ, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức, hướng dẫn kỹ năng về thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong thương mại điện tử.

- Nâng cao đạo đức kinh doanh, hình thành văn hóa tiêu dùng an toàn, văn

minh, lành mạnh và bền vững; Nâng cao trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên không gian mạng.

- Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử xanh và bền vững; Nâng cao trách nhiệm của các bên tham gia thương mại điện tử tối ưu hóa quy trình sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ, sử dụng công nghệ, vật liệu thay thế và các giải pháp thân thiện môi trường hướng đến kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Thúc đẩy, phát triển thương mại số, đảm bảo tính minh bạch của thông tin và tiếp cận thông tin; không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm số với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ truyền thống; tránh các biện pháp mang tính hạn chế thương mại số, cân bằng giữa mục tiêu quản lý thương mại số với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển của thương mại số; đảm bảo tự do lưu chuyển dữ liệu xuyên biên giới đồng thời có các biện pháp đảm bảo tính giải trình, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ dữ liệu; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại số.

- Hình thành cơ chế cộng đồng giám sát hoạt động thương mại điện tử; Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm thương mại điện tử.

- Thủ tướng Chính phủ quy định về nội dung Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và thương mại số theo từng thời kỳ.

- Giao Bộ Công Thương quy định về đối tượng tham gia, phạm vi áp dụng, cơ chế quản lý, hỗ trợ kinh phí của Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và thương mại số theo từng thời kỳ.

Chương II

GIAO KẾT HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN TRÊN NỀN TẢNG SỐ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 7. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Quy định tiêu chí đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Điều 8. Địa điểm kinh doanh của các bên

- Địa điểm kinh doanh của mỗi bên là địa điểm do bên đó chỉ ra, trừ khi bên khác nêu rõ bên đó không có địa điểm kinh doanh tại địa điểm này.

- Trong trường hợp một bên có nhiều địa điểm kinh doanh nhưng không chỉ ra địa điểm kinh doanh nào thì địa điểm kinh doanh là địa điểm có mối quan hệ mật thiết nhất với hợp đồng liên quan xét tới mọi bối cảnh trước và tại thời

điểm giao kết hợp đồng.

- Trong trường hợp một cá nhân không có địa điểm kinh doanh thì địa điểm kinh doanh là nơi đăng ký thường trú của cá nhân đó.

- Một địa điểm không được coi là địa điểm kinh doanh nếu địa điểm đó chỉ là nơi đặt máy móc, thiết bị công nghệ của hệ thống thông tin do một bên sử dụng để giao kết hợp đồng hoặc chỉ là nơi các bên khác có thể truy cập hệ thống thông tin đó.

- Một địa danh gắn với tên miền hay địa chỉ thư điện tử của một bên không nhất thiết liên quan tới địa điểm kinh doanh của bên đó.

Điều 9. Thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng

- Một thông báo bằng chứng từ điện tử về đề nghị giao kết hợp đồng mà không có bên nhận cụ thể thì chỉ là thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng. Thông báo đó chưa được coi là đề nghị giao kết hợp đồng, trừ khi bên thông báo chỉ rõ tại thông báo đó trách nhiệm của mình trong trường hợp nhận được trả lời chấp nhận.

- Nếu một nền tảng số thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến áp dụng cho từng hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể được giới thiệu trên nền tảng số thương mại điện tử đó, thì các thông tin giới thiệu về hàng hóa, dịch vụ và các điều khoản liên quan được coi là thông báo mời đề nghị giao kết hợp đồng của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Cung cấp các điều khoản của hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử

- Nền tảng số thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải cung cấp cho khách hàng thông tin về các điều khoản của hợp đồng trước thời điểm khách hàng gửi đề nghị giao kết hợp đồng.

- Chính phủ quy định chi tiết về các thông tin về các điều khoản của hợp đồng trên các nền tảng số thương mại điện tử.

Điều 11. Đề nghị giao kết hợp đồng

Chứng từ điện tử do khách hàng khởi tạo và gửi đi bằng cách sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến được coi là đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng đối với hàng hóa hoặc dịch vụ gắn kèm chức năng đặt hàng trực tuyến đó.

Điều 12. Rà soát và xác nhận nội dung hợp đồng

Nền tảng số thương mại điện tử phải có cơ chế cho phép khách hàng rà soát,

bổ sung, sửa đổi và xác nhận nội dung giao dịch trước khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến để gửi đề nghị giao kết hợp đồng. Cơ chế rà soát và xác nhận này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hiện thị cho khách hàng những thông tin sau:

- a) Tên hàng hóa hoặc dịch vụ, số lượng và chủng loại;
- b) Phương thức và thời hạn giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ;
- c) Tổng giá trị của hợp đồng và các chi tiết liên quan đến phương thức thanh toán được khách hàng lựa chọn.

Những thông tin này phải có khả năng lưu trữ, in ấn được trên hệ thống thông tin của khách hàng và hiển thị được về sau.

- Hiện thị cho khách hàng những thông tin về cách thức trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng và thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng.

- Cho phép khách hàng sau khi rà soát những thông tin nói trên được lựa chọn hủy giao dịch hoặc xác nhận việc đề nghị giao kết hợp đồng.

Điều 13. Trả lời đề nghị giao kết hợp đồng

1. Trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng phải được thực hiện dưới hình thức phù hợp để thông tin có thể lưu trữ, in và hiển thị được tại hệ thống thông tin của khách hàng.

2. Khi trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng, thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng phải cung cấp cho khách hàng những thông tin sau:

- a) Danh sách toàn bộ hàng hóa hoặc dịch vụ khách hàng đặt mua, số lượng, giá của từng sản phẩm và tổng giá trị hợp đồng;
- b) Thời hạn giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ;
- c) Thông tin liên hệ để khách hàng có thể hỏi về tình trạng thực hiện hợp đồng khi cần thiết.

Điều 14. Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng có công bố thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu hết thời hạn này mà khách hàng vẫn không được trả lời thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng chấm dứt hiệu lực. Việc trả lời chấp nhận sau thời hạn này được coi là một đề nghị giao kết hợp đồng khác từ phía thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng không công bố rõ thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu trong vòng 12 (mười hai) giờ kể từ khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng, khách hàng không nhận được trả lời đề nghị giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng được coi là chấm dứt hiệu lực.

Điều 15. Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử

Thời điểm giao kết hợp đồng khi sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên nền tảng số thương mại điện tử là thời điểm khách hàng nhận được trả lời của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật này.

Điều 16. Thủ tục chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác

- Nền tảng số thương mại điện tử phải cung cấp công cụ trực tuyến để khách hàng có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng khi hết nhu cầu sử dụng dịch vụ. Công cụ này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cho phép khách hàng lưu trữ và hiển thị thông báo chấm dứt hợp đồng trong hệ thống thông tin của mình sau khi gửi đi;

b) Có cơ chế phản hồi để khách hàng biết thông báo chấm dứt hợp đồng của mình đã được gửi.

- Nền tảng số thương mại điện tử phải công bố thông tin minh bạch, đầy đủ về quy trình, thủ tục chấm dứt hợp đồng, bao gồm các nội dung sau:

a) Các trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chấm dứt hợp đồng và cách thức giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng này;

b) Thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực và cách thức thanh toán phí dịch vụ trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng;

c) Nếu nền tảng số thương mại điện tử không công bố rõ thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng, thì thời điểm khách hàng gửi thông báo được coi là thời điểm hợp đồng chấm dứt.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 17. Các loại hình hoạt động thương mại điện tử

- Nền tảng số thương mại điện tử, bao gồm:
 - + Nền tảng số trung gian thương mại điện tử.
 - + Nền tảng số thương mại điện tử bán hàng.
- Nền tảng số đa dịch vụ trong phạm vi Luật này: là nền tảng số trung gian thương mại điện tử và có thêm các dịch vụ khác.
- Chính phủ quy định các loại hình hoạt động thương mại điện tử của nền tảng số thương mại điện tử phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Điều 18. Các chủ thể tham gia hoạt động thương mại điện tử

- Người bán trên nền tảng số thương mại điện tử
- Chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử
- Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử bán hàng
- Các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử

Mục 1

Nền tảng số thương mại điện tử bán hàng

Điều 19. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số thương mại điện tử bán hàng

- Phân cấp thủ tục hành chính đối với nền tảng số thương mại điện tử bán hàng cho địa phương quản lý.
- Quy định cụ thể các trách nhiệm của nền tảng số thương mại điện tử bán hàng về chính sách, quy định, thông tin hàng hóa, dịch vụ và phân loại hàng hóa trong nước hay nước ngoài bán trên nền tảng.
- Quy định về cung cấp thông tin định kỳ, báo cáo về tình hình kinh doanh trên nền tảng.
- Quy định về một trách nhiệm, điều kiện đối với người thực hiện livestream hoặc những người tư vấn bán hàng hóa, dịch vụ thuộc các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- Lưu trữ đầy đủ thông tin về hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giao dịch trên

nền tảng.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

Nền tảng số trung gian thương mại điện tử

Điều 20. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử

- Thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương về hoạt động cung cấp dịch vụ nền tảng số trung gian thương mại điện tử.
- Quy định cụ thể trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử về: các chính sách và quy định của nền tảng, công khai, minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ, người bán, đánh giá về chất lượng hàng hóa, dịch vụ, các thông tin phải lưu trữ, thông tin phải công khai về người bán, thông tin phải cung cấp cho người mua và phân loại hàng hóa trong nước hay nước ngoài, đảm bảo tỷ lệ mặt hàng sản xuất trong nước đáp ứng các Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ Việt Nam theo từng thời kỳ.
- Quy định về định danh người bán trên nền tảng số trung gian thương mại điện tử.
- Quy định về các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để kiểm duyệt nội dung về hàng hóa, dịch vụ trước khi thông tin về hàng hóa, dịch vụ hiển thị trên nền tảng số thương mại điện tử.
- Quy định về phối hợp, hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ điều tra, xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại.
- Quy định cung cấp các thông tin định kỳ hoặc khi có yêu cầu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Quy định về xử lý, giải quyết tranh chấp, khiếu nại trên các nền tảng số trung gian thương mại điện tử.
- Quy định trách nhiệm liên đới của chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử có người bán nước ngoài về giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp, nghĩa vụ thuế.
- Quy định về lưu trữ thông tin về hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giao dịch

trên nền tảng.

- Liên đới bồi thường thiệt hại trong trường hợp không có biện pháp xử lý kịp thời các hành vi vi phạm mà gây thiệt hại.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Trách nhiệm của người bán trên nền tảng số trung gian thương mại điện tử

- Thực hiện định danh người bán theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử trước khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

- Cung cấp thông tin cho nền tảng số trung gian thương mại điện tử về tên thương nhân, địa chỉ, mã số định danh của thương nhân, tổ chức hoặc mã số thuế thu nhập cá nhân.

- Công bố công khai điều kiện giao dịch chung, giá cả, vận chuyển và giao nhận, phương thức thanh toán (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ; các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số đa dịch vụ

Ngoài các trách nhiệm giống như một chủ nền tảng số thương mại điện tử, tùy vào hình thức hoạt động của nền tảng số thương mại điện tử mà chủ quản nền tảng số đa dịch vụ có thêm các trách nhiệm như: Phân loại tài khoản, Tách biệt nội dung hoạt động thương mại điện tử với nội dung khác.

Mục 3

Hoạt động thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài

Điều 23. Hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới

- Thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam là thương nhân, tổ chức nước ngoài thông qua nền tảng số thương mại điện tử của mình bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ vào thị trường Việt Nam.

- Thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới vào thị trường Việt Nam phải xin cấp phép với Bộ Công Thương và thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc chỉ định đại diện theo ủy quyền của mình là pháp nhân tại Việt Nam.

- Quy định trách nhiệm của văn phòng đại diện hoặc pháp nhân được ủy

quyền tại Việt Nam nhằm đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng tại Việt Nam.

- Quy định trách nhiệm xác thực người bán nước ngoài và bồi thường người mua trước khi có vi phạm trên nền tảng.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 24. Hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử

- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử theo pháp luật về đầu tư.

- Nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường phải có ý kiến thẩm định về an ninh quốc gia của Bộ Công an.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 25. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số thương mại điện tử

- Trách nhiệm tương tự như người bán trong nước trên nền tảng số thương mại điện tử

- Cần cung cấp các thông tin cho chủ quản nền tảng số trung gian thương mại điện tử và các biện pháp đảm bảo xác thực thông tin về người bán và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, kỹ thuật của sản phẩm khi bán vào thị trường Việt Nam.

- Việc công bố thông tin của người bán nước ngoài phải được phiên âm bằng tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh.

- Quy định về phương thức thanh toán để đảm bảo vấn đề an ninh tiền tệ.

Điều 26. Hàng hóa nước ngoài được bán, dịch vụ nước ngoài được cung cấp vào thị trường Việt Nam

- Phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hàng hóa, dịch vụ của thị trường Việt Nam.

- Chính phủ quy định danh mục hàng hóa được phép nhập khẩu qua thương mại điện tử.

Chương IV

CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 27. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp khi có vi phạm về thương mại điện tử xảy ra trên môi trường mạng.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử

- Dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử là hoạt động của một thương nhân, tổ chức độc lập đánh giá các nền tảng số thương mại điện tử theo các bộ tiêu chí cụ thể.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 29. Dịch vụ tiếp thị liên kết

- Dịch vụ tiếp thị liên kết là một loại hình cung cấp dịch vụ trong đó nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết sẽ trả phí cho các nhà tiếp thị liên kết để tạo ra đường dẫn để truy cập tới trang các nền tảng số thương mại điện tử để mua hàng hóa, dịch vụ. Các nhà tiếp thị liên kết sẽ nhận được hoa hồng từ nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết dựa trên tỷ lệ chuyển đổi như lượt truy cập, số lượng khách hàng để lại thông tin, doanh thu từ số lượng sản phẩm bán ra qua liên kết.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Dịch vụ logistics cho thương mại điện tử

- Dịch vụ logistics cho thương mại điện tử là dịch vụ logistics theo Luật thương mại, trong đó thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics ký hợp đồng cung cấp dịch vụ logistics cho các nền tảng số thương mại điện tử và người bán trên nền tảng số thương mại điện tử.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Dịch vụ thanh toán cho thương mại điện tử

- Dịch vụ hỗ trợ thanh toán cho thương mại điện tử là dịch vụ do các tổ chức tín dụng cung cấp, hoạt động theo Luật Tổ chức tín dụng, trong đó tổ chức tín dụng ký hợp đồng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán cho các nền tảng số thương mại điện tử.

- Thực hiện phân loại giao dịch thanh toán qua nền tảng số thương mại điện tử với thanh toán khác.

- Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Điều 32. Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là dịch vụ của bên thứ ba về lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ điện tử do các bên khởi tạo trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng thông qua Nền tảng hợp đồng điện tử quốc gia của Bộ Công Thương.

- Thực hiện thủ tục xin cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với Bộ Công Thương khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật về Việt Nam
- + Có Đề án phù hợp và được Bộ Công Thương thẩm định.
- + Đáp ứng quy định về an toàn thông tin đối với dịch vụ tin cậy theo pháp luật về giao dịch điện tử.

- Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

- + Chịu trách nhiệm về tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;
- + Cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến chứng từ điện tử mà mình lưu trữ và chứng thực;
- + Công bố công khai Quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử với các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Công Thương;
- + Kết nối với Nền tảng hợp đồng điện tử quốc gia của Bộ Công Thương,

báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo yêu cầu.

- Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Chương VI

NỀN TẢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 33. Chức năng của Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử

- Tiếp nhận thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử
- Công bố Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử hoạt động hợp pháp.
- Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật.

Điều 34. Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử

Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, dịch vụ đánh giá tín nhiệm trong thương mại điện tử hoạt động hợp pháp trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Điều 35. Danh sách các nền tảng số, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật Việt Nam

- Công bố công khai danh sách nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.
- Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí, quy trình nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số trung gian thương mại điện tử, người bán vi phạm pháp luật về thương mại điện tử phải đăng công khai trên Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Chương VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử

- Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử phải xây dựng hệ thống xử lý

khieu nại cho người dùng và đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Hệ thống xử lý khiếu nại nội bộ dễ dàng truy cập, thân thiện người dùng, cho phép cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi các khiếu nại có đủ cơ sở chính xác và đầy đủ;

+ Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử sẽ xử lý khiếu nại được gửi một cách kịp thời, không phân biệt đối xử, cân trọng.

+ Chủ quản nền tảng số thương mại điện tử sẽ thông báo ngay cho người khiếu nại về quyết định của họ đối với thông tin liên quan đến khiếu nại và khả năng giải quyết tranh chấp ngoài tòa án và các khả năng khắc phục.

+ Chủ quản nền tảng số phải đảm bảo các quyết định được đưa ra dưới sự giám sát của nhân viên có trình độ phù hợp và không chỉ dựa trên các phương tiện tự động.

- Tranh chấp giữa thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ với khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được giải quyết trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng công bố tại nền tảng số thương mại điện tử tại thời điểm giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc giải quyết tranh chấp phải thông qua thương lượng giữa các bên, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án theo các thủ tục, quy định hiện hành về giải quyết tranh chấp.

Điều 37. Thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử

- Các thương nhân, tổ chức có hoạt động thương mại điện tử quy định tại Luật này chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xử lý vi phạm hành chính

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Ngoài việc xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý xem xét tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của thương nhân, tổ chức để ra quyết định đình chỉ hoạt động hoặc hủy bỏ thông báo, đăng ký, cấp phép cho nền tảng số thương mại điện tử hoặc bị chặn truy cập cho người dùng Việt Nam.

- Trường hợp thương nhân, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy

định của pháp luật.

- Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Thanh tra Bộ Công Thương, cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành, thanh tra Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại điện tử theo thẩm quyền quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại địa phương.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng
Luật Thương mại điện tử**

DỰ THẢO 1

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong bối cảnh hội nhập chung vào thương mại toàn cầu, thương mại điện tử (TMĐT) Việt Nam đã ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ. Doanh số TMĐT B2C Việt Nam năm 2014 chỉ đạt 2,97 tỷ USD, đến năm 2024 đã đạt tới giá trị 25 tỷ USD, tương đương mức tăng trung bình 26,7%/năm, chiếm khoảng 9% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, tỷ lệ dân số tham gia TMĐT đạt trên 60% với giá trị mua sắm trung bình khoảng 400 USD/người/năm. TMĐT đã trở thành một phương thức mua sắm phổ biến, đặc biệt tại những thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành chính sách và văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh mối quan giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT theo hướng tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người dân, doanh nghiệp từng bước tham gia vào hoạt động TMĐT và làm quen với kinh doanh trực tuyến, tạo tiền đề và cơ sở pháp lý cho sự phát triển mạnh mẽ của TMĐT tại Việt Nam hiện nay.

Cơ sở pháp lý của TMĐT đã từng bước được khẳng định với việc ra đời của: (i) Luật Mẫu về TMĐT năm 1996 của Ủy ban luật thương mại quốc tế (UNCITRAL) và Công ước về hợp đồng điện tử quốc tế năm 2005 của UNCITRAL là cơ sở pháp lý đã khẳng định giá trị pháp lý của giao dịch điện tử, cũng như thông điệp dữ liệu đáp ứng các yêu cầu đối với hình thức của văn bản; (ii) Luật Mẫu về chữ ký điện tử năm 2001 của UNCITRAL đã khẳng định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử.

Tại Việt Nam, năm 2003, Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố bản Báo cáo TMĐT Việt Nam đầu tiên, trong đó, khẳng định, cho đến năm 2003, “chúng ta đã bắt đầu và đi khá nhanh trên chặng đường đầu tiên của Con Đường Tơ Lụa Mới”, đây được coi là dấu ấn quan trọng cho hoạt động TMĐT phát triển của nước ta. Đến nay, Việt Nam đã xây dựng cơ bản hành lang pháp lý về TMĐT, cụ thể: (i) Quốc hội khóa XI đã ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005 chính thức thừa nhận giá trị pháp lý của giao dịch điện tử nói chung, trong đó có lĩnh vực kinh doanh, thương mại; (ii) Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09/6/2006 về TMĐT; (iii) Để điều chỉnh hoạt động giao kết

hợp đồng TMĐT, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 09/2008/TT-BCT ngày 21/7/2008 hướng dẫn Nghị định TMĐT về cung cấp thông tin và giao kết hợp đồng trên website TMĐT; (iv) Trước sự phát triển của các sàn TMĐT, các website TMĐT, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 46/2010/TT-BCT ngày 31/12/2010 quy định về quản lý hoạt động của các website TMĐT, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ; (v) Ngày 16/5/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về TMĐT (Nghị định 52) để hệ thống hóa và pháp điển lại tất cả các quy định nằm rải rác trong các văn bản trước đây; Các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP được xây dựng trong giai đoạn đầu của TMĐT, rất nhiều vấn đề chưa được đề cập hoặc được quy định rất chung chung, chỉ mang tính nguyên tắc nên gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Hơn nữa, do thực tiễn hoạt động TMĐT trên internet phát triển quá nhanh nên nhiều quy định đã trở nên lạc hậu. Chính vì vậy, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. (vi) Ngày 22 tháng 6 năm 2023, Quốc hội khóa XV đã ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023 giúp tạo hành lang pháp lý hoàn thiện, đầy đủ, thuận lợi cho việc chuyển đổi các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, nhằm chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công cuộc chuyển đổi số quốc gia; khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật GDĐT năm 2005. Đồng thời khẳng định giá trị pháp lý cho GDĐT, công nhận GDĐT có giá trị pháp lý giống như giao dịch trong môi trường thực v.v... tạo nền tảng cho sự bứt phá về kinh tế số hiện nay của Việt Nam. (vii) Ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đây là một dự án Luật quan trọng do Bộ Công thương chủ trì soạn thảo, có ảnh hưởng rộng đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Dự án Luật được xây dựng trên nguyên tắc kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định còn phù hợp với thực tiễn tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ban hành năm 2010; đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất trên nguyên tắc hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài các văn bản trên, các văn bản quy phạm liên quan tới hoạt động TMĐT được quy định trong nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau như: Luật Thương mại, Luật An ninh mạng, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông, Luật Quảng cáo, Luật đầu tư, v.v... và các hệ thống văn bản dưới luật như các nghị định hướng dẫn. Hệ thống pháp luật về TMĐT ngày càng phát huy vai trò trong việc điều chỉnh các quan hệ trong không gian mạng, giúp nhà nước điều chỉnh các quan hệ TMĐT theo các quy luật khách quan và đảm bảo được lợi ích của các bên khi tham gia. Có thể nói, trong những năm qua, hệ thống pháp luật liên quan tới TMĐT Việt Nam đã được xây dựng và không ngừng hoàn thiện đã

góp phần tạo môi trường TMĐT minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều công nghệ mới, mô hình, loại hình hoạt động TMĐT mới ra đời làm thay đổi nhanh chóng các biểu hiện, sự tồn tại của các quan hệ TMĐT. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã tổng kết việc thực hiện Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP và thực tiễn công tác quản lý đã nhận thấy còn tồn tại nhiều khoảng trống pháp lý chế đặt ra yêu cầu bức thiết trong việc củng cố, hoàn thiện hệ thống pháp một cách khoa học, đồng bộ, minh bạch và hiệu lực, hiệu quả.

Việc chỉ đạo công tác hoàn thiện chính sách, pháp luật về TMĐT còn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và quyết liệt từ Quốc Hội, Chính phủ, cụ thể như:

Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2023 về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển TMĐT, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh, trong đó giao Bộ Công Thương: “... *Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trong việc **hoàn thiện sửa đổi chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước đối với TMĐT**, trong đó tăng cường chế tài xử lý hành vi vi phạm về lưu trữ và cung cấp thông tin theo quy định quản lý nhà nước về TMĐT đối với các chủ thể của hoạt động TMĐT...*”

Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 56/CD-TTg ngày 6/6/2024 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, kinh doanh trên nền tảng số, trong đó giao Bộ Công Thương “...*tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về **quản lý TMĐT***”;

Nghị quyết số 141/2024/QH15 của Quốc Hội ngày 29/6/2024 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trong đó Quốc hội yêu cầu Bộ Công Thương: “*Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về **TMĐT** và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, v.v...*”;

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã thông qua Nghị Quyết số 111/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có giao nhiệm vụ Bộ Công Thương “...*Cơ cấu lại các ngành dịch vụ thương mại dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại; rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện thể chế các ngành dịch vụ thương mại nhất là **lĩnh vực TMĐT**, logistics và các dịch vụ mới của nền kinh tế số; tập trung phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao, tự động hóa*”;

Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 129/CD-TTg ngày 12/9/2024 về tăng cường quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, nâng cao hiệu quả công tác thu thuế đối với TMĐT, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp

với các Bộ, cơ quan liên quan: “ ..*Tiếp tục nghiên cứu, rà soát sửa đổi, hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý các giao dịch trong hoạt động TMĐT, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh của các cá nhân trên sàn giao dịch TMĐT*”

Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 119/CĐ-TTg ngày 25/11/2024 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về TMĐT, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan: “..*Tiếp tục rà soát Luật thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để kịp thời đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật về quản lý TMĐT; Chủ động xây dựng chính sách quản lý các giao dịch trong hoạt động TMĐT đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, v.v...*”

Thực hiện các chỉ đạo trên, Bộ Công Thương đề xuất xây dựng Luật TMĐT với các mục tiêu, quan điểm và chính sách như sau:

2. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

- Hoàn thiện quy định pháp luật trong nước, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường TMĐT; luật hóa định hướng chủ trương, chính sách của Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 141/2024/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

- Đáp ứng yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường TMĐT và sự phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Tính toàn diện và hệ thống: Một luật sẽ cung cấp một khung pháp lý toàn diện, rõ ràng và hệ thống hơn, giúp đồng bộ hóa và minh bạch các quy định, đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện và áp dụng. Tăng cường tính hiệu lực pháp lý, hoàn thiện cơ sở để xử lý vi phạm hiệu quả hơn.

Đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường: Luật sẽ phản ánh đầy đủ hơn các yêu cầu và xu hướng mới của thị trường TMĐT, hỗ trợ sự phát triển bền vững và cạnh tranh lành mạnh.

Quản lý và kiểm soát hiệu quả: Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc để các cơ quan quản lý nhà nước có thể giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm một cách hiệu quả hơn.

Hội nhập quốc tế: Việc nâng cấp nghị định thành luật sẽ giúp Việt Nam bắt kịp với xu hướng và tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho TMĐT xuyên

biên giới.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 01: Bổ sung và thống nhất các khái niệm theo các quy định pháp luật hiện hành

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Năm 2023, Quốc hội ban hành hai Luật có tác động trực tiếp tới lĩnh vực TMĐT và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, bao gồm: Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các Luật này đã đưa ra những khái niệm mới liên quan đến hoạt động kinh doanh trên môi trường Internet bao gồm “nền tảng số”, “nền tảng số trung gian”, “nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử”, “nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử”. Bên cạnh đó, một số khái niệm khác như “doanh nghiệp dẫn đầu thị trường cung cấp dịch vụ TMĐT”, “tài khoản báo cáo trực tuyến”, “cập nhật số liệu theo thời gian thực”, “tiếp thị liên kết”,... cũng chưa có định nghĩa chi tiết. Hơn nữa, các khái niệm tại Nghị định 52 và Nghị định 85 chưa thực sự phù hợp với các khái niệm trong Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2003. Sự không rõ ràng và thiếu thống nhất trong định nghĩa các khái niệm này dẫn đến nhiều hệ lụy:

- Thứ nhất, khó khăn trong thực thi pháp luật: Khi không có định nghĩa cụ thể, các cơ quan chức năng gặp trở ngại trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Điều này tạo ra lỗ hổng pháp lý mà các đối tượng xấu có thể lợi dụng để trốn tránh trách nhiệm hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hơn nữa, các khái niệm mới của Luật như nền tảng số TMĐT, nền tảng số trung gian TMĐT sẽ bao quát rộng hơn, phổ quát hơn cách tiếp cận trước đây là đi vào loại hình thể hiện cụ thể của công nghệ như website, ứng dụng mà không đi vào bản chất loại hình dịch vụ cung cấp.

- Thứ hai, bất lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng: Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh gặp khó khăn trong việc tự đánh giá và tuân thủ các quy định pháp luật khi không biết mình thuộc đối tượng điều chỉnh nào. Người tiêu dùng cũng không được bảo vệ một cách toàn diện do khoảng trống trong quy định pháp lý về các dịch vụ và sản phẩm mới phát sinh trên nền tảng số.

- Thứ ba, cản trở sự phát triển của thị trường: Sự mơ hồ trong pháp luật khiến các doanh nghiệp e ngại khi đầu tư và phát triển các mô hình kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ TMĐT như tiếp thị liên kết, giao hàng chặng cuối và các nền tảng số trung gian, v.v... Khi chưa làm rõ được các định nghĩa, thuật ngữ mới dẫn tới chưa kịp thời hoặc khó khăn khi điều chỉnh các loại hình hoạt động mới, các dịch vụ mới tại các văn bản dưới Luật. Điều này kìm hãm sự đổi mới và cạnh tranh, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của kinh tế số Việt Nam.

- Thứ tư, việc thiếu khái niệm đồng bộ cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phối hợp liên ngành. Nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT thường liên quan đến nhiều ngành khác nhau, từ công nghệ thông tin, công an, thuế, hải quan, quản lý doanh nghiệp đến quản lý thị trường. Khi khái niệm không được định nghĩa rõ ràng, việc phối hợp giữa các cơ quan gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự chồng chéo trong thực thi pháp luật.

- Thứ năm, khó khăn trong hội nhập quốc tế: Thiếu các khái niệm thống nhất làm cho pháp luật Việt Nam không đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, gây trở ngại trong việc hợp tác và giao thương với các đối tác nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT xuyên biên giới, thương mại số đang trở thành xu thế tất yếu toàn cầu trong bối cảnh nền kinh tế số trở nên hết sức sôi động.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Quy định rõ khái niệm nền tảng số, nền tảng số trung gian và các khái niệm khác phù hợp với lĩnh vực TMĐT và đảm bảo hài hòa với các Luật khác hiện hành.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

Bổ sung các khái niệm như “Nền tảng số trong TMĐT”, “Nền tảng số trung gian trong TMĐT”, “Doanh nghiệp dẫn đầu thị trường”, “Tiếp thị liên kết”, v.v... phù hợp với Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 và các Luật khác.

Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

- Tạo khung pháp lý rõ ràng và minh bạch: Khi các khái niệm như "nền tảng số trong TMĐT", "nền tảng số trung gian", "doanh nghiệp dẫn đầu thị trường", "tiếp thị liên kết", "chủ quản nền tảng số trung gian", được định nghĩa thống nhất, pháp luật sẽ trở nên dễ hiểu hơn. Điều này giúp giảm thiểu sự mơ hồ, tránh những diễn giải khác nhau gây khó khăn trong quá trình áp dụng và thực thi.

- Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật: Việc có các khái niệm thống nhất giúp cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm một cách hiệu quả hơn. Các hành vi vi phạm sẽ được xác định rõ ràng, từ đó tăng cường tính răn đe và đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm túc. Ví dụ tại Nghị định 52 và Nghị định 85 sử dụng khái niệm chủ sở hữu website TMĐT bán hàng và thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT. Do vậy, khái niệm nhằm lẫn làm cho khó xác

định chủ quản thực sự là đơn vị nào. Khi đó cơ quan chức năng xử phạt sẽ rất lúng túng khi áp dụng.

- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp: Thống nhất các khái niệm giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trước các hành vi gian lận trực tuyến. Doanh nghiệp cũng hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó hoạt động kinh doanh minh bạch và tuân thủ pháp luật.

- Thúc đẩy sự phát triển của thị trường TMĐT: Một khung pháp lý rõ ràng sẽ khuyến khích sự đổi mới và đầu tư vào lĩnh vực TMĐT. Doanh nghiệp sẽ tự tin hơn khi triển khai các mô hình kinh doanh mới, góp phần thúc đẩy kinh tế số phát triển mạnh mẽ.

- Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với pháp luật quốc tế: Việc bổ sung và thống nhất khái niệm giúp đồng bộ hóa pháp luật trong nước với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho TMĐT xuyên biên giới.

- Ngăn ngừa và xử lý vi phạm hiệu quả hơn: Khi các khái niệm được định nghĩa cụ thể, việc xác định trách nhiệm pháp lý trở nên dễ dàng hơn. Điều này giúp ngăn chặn các hành vi lợi dụng kẽ hở pháp luật, bảo vệ môi trường kinh doanh lành mạnh.

- Tạo điều kiện cho việc áp dụng công nghệ mới: Trong bối cảnh công nghệ phát triển không ngừng, việc có các khái niệm thống nhất giúp pháp luật linh hoạt ứng phó với những thay đổi và tiếp cận nhanh chóng các xu hướng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain,...

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước:

- + Tăng thu Ngân sách nhà nước: Khi khung pháp lý rõ ràng, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế. Điều này giúp nâng cao hiệu quả thu thuế, đảm bảo nhà nước thu đúng và đủ các khoản thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, và các loại thuế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trực tuyến.

- + Tối ưu hóa nguồn lực và giảm thất thoát ngân sách: Khi hoạt động TMĐT được quản lý hiệu quả, nhà nước sẽ giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, bảo toàn nguồn lực tài chính để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên khác như giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng.

- Đối với doanh nghiệp, người dân:

- + Không phát sinh thêm chi phí

- + Phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo: Việc định nghĩa rõ ràng các khái niệm giúp khuyến khích sự sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới. Các nền tảng số và mô hình kinh doanh mới như tiếp thị liên kết, nền tảng số đa dịch vụ, v.v... sẽ

được hỗ trợ và thúc đẩy, đóng góp vào sự chuyển đổi số của nền kinh tế.

+ Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa: Các doanh nghiệp này sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường, giảm bớt rào cản pháp lý và tận dụng cơ hội kinh doanh trong môi trường trực tuyến, từ đó đóng góp vào sự đa dạng và năng động của nền kinh tế.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước:

+ Cải thiện hiệu quả quản lý nhà nước: Nhờ có các khái niệm thống nhất, cơ quan quản lý có thể giám sát và điều phối thị trường một cách hiệu quả hơn, giảm chi phí và nguồn lực cho việc giải thích và thực thi pháp luật. Điều này cũng giúp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

+ Tăng cường hội nhập quốc tế: Pháp luật đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế sẽ giúp Việt Nam nâng cao vị thế trên trường quốc tế, mở rộng hợp tác thương mại.

- Đối với người dân, doanh nghiệp:

+ Thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế: Một hệ thống pháp luật minh bạch và thống nhất sẽ tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Doanh nghiệp sẽ tự tin mở rộng quy mô, đầu tư vào công nghệ và nhân lực, từ đó tạo ra nhiều việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

c) Tác động về môi trường: Hệ thống pháp luật quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT và các chính sách thúc đẩy phát triển TMĐT theo hướng xanh, bền vững sẽ giúp hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường nhờ những giải pháp, quy định và tiêu chí đánh giá TMĐT bền vững.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

1.4.2. Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

Nếu thực hiện phương án này, các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở phần 1.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 1A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 1A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

2. Chính sách 02: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.1.1. Bất cập về quy định đối với các hình thức hoạt động TMĐT

Trong thực tiễn hiện nay, bên cạnh những mô hình hoạt động TMĐT đã được quy định tại Nghị định 52, một số mô hình hoạt động TMĐT mới đã phát sinh như hoạt động TMĐT trên mạng xã hội, hoạt động TMĐT xuyên biên giới, hoạt động TMĐT của nhà đầu tư nước ngoài, mua sắm qua livestream với sự tham gia của những người nổi tiếng, có ảnh hưởng trên mạng xã hội, nhóm mặt hàng kinh doanh có điều kiện như rượu, mỹ phẩm, dược phẩm nhưng được tư vấn bởi người không có chuyên môn, ... Hơn nữa, các trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, các nền tảng số TMĐT chưa được quy định chưa đầy đủ, chưa đáp ứng quy định về quản lý và sự phát triển của xã hội. Cùng với sự phát triển của công nghệ, dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục có thêm những mô hình hoạt động TMĐT xuất hiện. Với những quy định hiện tại, pháp luật chưa đủ linh hoạt để thích ứng với tốc độ thay đổi nhanh chóng của thị trường và công nghệ.

2.1.2. Bất cập về trách nhiệm các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT

- Đối với các nền tảng số trung gian TMĐT: Hiện tại, hệ thống pháp luật về TMĐT quy định trách nhiệm của các chủ sàn TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) đã được quy định rải rác ở một số văn bản như Luật giao dịch điện tử, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và một số Nghị định điều chỉnh từng khía cạnh khác nhau, chưa có sự thống nhất. Ngoài ra, các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) hiện hành quy định tại Nghị định 85 và Nghị định 52 chưa đáp ứng tốt công tác bảo vệ người tiêu dùng như vấn đề định danh người bán, minh bạch thông tin người bán, thông tin hàng hóa, thông tin về đánh giá hàng hóa, dịch vụ bán ra trên các nền tảng số TMĐT, thông tin về đầu mối giải quyết khiếu nại, cơ chế phản ứng nhanh để giải quyết ngăn

chặn hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp trực tuyến, chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại, cơ chế kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ thông tin hàng hóa bán ra trên các nền tảng số TMĐT lâu dài để phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống các hành vi vi phạm trong TMĐT, v.v... Tại Nghị quyết 09/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2024, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương nghiên cứu, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT để định danh người bán trên các sàn TMĐT thông qua VNeID. Việc nâng cao trách nhiệm của các nền tảng số trung gian TMĐT trong việc triển khai giải pháp định danh người bán sẽ giảm thiểu nhiều rủi ro như lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hay các vấn đề về gian lận thương mại và hàng giả, hàng nhái, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số TMĐT.

- Đối với các nền tảng mạng xã hội và các nền tảng số đa dịch vụ: thực trạng hiện nay, một số mạng xã hội không chỉ là nơi người bán và người mua trao đổi thông tin về hàng hóa, dịch vụ trước khi tiến hành giao dịch mà còn cung cấp một số tính năng hỗ trợ giao dịch TMĐT. Người bán trên mạng xã hội chủ yếu là hộ gia đình và cá nhân. Phần lớn họ chưa nắm vững quy định pháp luật về TMĐT nên chưa có ý thức tuân thủ pháp luật, bao gồm các quy định tại Nghị định về TMĐT. Trong khi đó người mua trên các mạng xã hội thường là cá nhân, thông thường họ giao kết hợp đồng vì tin tưởng vào người bán hoặc cộng đồng. Giá trị giao dịch thường không lớn. Khi có tranh chấp họ thường không nhận được sự hỗ trợ của đơn vị vận hành mạng xã hội, đồng thời khó khai thác sự hỗ trợ của các tổ chức khác như cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng, Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng, trọng tài hay tòa án. Bên cạnh đó, cùng với sự thay đổi của văn hóa tiêu dùng, thay đổi của công nghệ và để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, các nền tảng số trung gian TMĐT trong các lĩnh vực như gọi xe công nghệ, dịch vụ tài chính – ngân hàng..., đều nỗ lực thay đổi, làm mới sản phẩm. Xu hướng biến ứng dụng (app) thông thường thành siêu ứng dụng (super app) hay ứng dụng đa dịch vụ nhằm cung cấp các tiện ích, dịch vụ tích hợp trong một ứng dụng di động ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, để quản lý và phân loại những loại hình ứng dụng như này còn là khoảng trống pháp lý cần phải điều chỉnh.

- Đối với các chủ thể tham gia cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới và người bán nước ngoài trên các nền tảng số: Hiện chưa có cơ chế hiệu quả để quản lý và thu thuế từ các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ vào Việt Nam, dẫn đến thất thu ngân sách và khó khăn trong việc bảo vệ người tiêu dùng. Ngoài ra, hàng hóa nhập khẩu qua kênh TMĐT khó kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, gây nguy hại cho người tiêu dùng. Hơn nữa, trong trường hợp các nền tảng này không tuân thủ pháp luật Việt Nam thì cũng chưa có cơ chế, cơ sở pháp

lý để ngăn chặn hay yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT như Logistics, thanh toán, v.v.. ngưng hợp tác. Ngoài ra, hiện tượng các người bán nước ngoài bán trên các nền tảng số TMĐT chưa được xác thực dẫn tới việc khách hàng mua hàng mà không biết người bán là ai, được bảo vệ như nào, v.v... đồng thời nếu đòi trả hàng thì ai sẽ chịu trách nhiệm liên quan.

- Đối với người bán trên các nền tảng số TMĐT: khi người bán trên nền tảng số TMĐT chưa được xác định rõ ràng, người tiêu dùng bị đặt vào tình thế bấp bênh. Nhưng không chỉ người tiêu dùng chịu thiệt hại, sự gia tăng của những người bán ẩn danh mở ra cánh cửa cho hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường. Khi không biết rõ ai là người bán, cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc thực thi pháp luật chống lại việc phân phối sản phẩm giả mạo hoặc không đạt tiêu chuẩn. Điều này không chỉ gây hại cho doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ quy định, mà còn đặt ra rủi ro nghiêm trọng về sức khỏe và an toàn cho cộng đồng. Từ góc độ kinh tế, người bán chưa được định danh gây khó khăn trong việc thu thuế. Khi người bán hoạt động mà không có định danh hợp lệ, họ thường trốn thuế, dẫn đến thất thu ngân sách cho nhà nước. Hơn nữa, việc không thể giữ người bán chịu trách nhiệm cản trở khả năng pháp lý trong việc xử lý gian lận và các hoạt động bất hợp pháp khác. Cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn trong việc truy tìm và truy tố những kẻ vi phạm, tạo ra cảm giác vô trách nhiệm có thể khuyến khích hành vi thiếu đạo đức. Sự thiếu trách nhiệm này cũng cản trở việc thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khiến người mua hàng như không có sự hỗ trợ khi xảy ra vấn đề. Tình trạng này còn tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh. Doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ yêu cầu đăng ký và nộp thuế bị bất lợi so với những người bán ẩn danh lách luật. Điều này có thể làm nản lòng tinh thần kinh doanh và đổi mới, kìm hãm tiến bộ chung của ngành TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng: Người tiêu dùng tham gia mua sắm trực tuyến hiện nay đang gặp khó khăn vì thiếu minh bạch thông tin sản phẩm, dịch vụ và thông tin của người bán như địa chỉ, điện thoại liên hệ hay các phương tiện khác. Thậm chí trong đơn hàng nhận được cũng không có thông tin về người bán. Đồng thời, cơ chế giải quyết tranh chấp trên môi trường trực tuyến chưa hiệu quả, khiến người tiêu dùng ít được bảo vệ khi quyền, lợi ích bị xâm phạm. Trong nhiều trường hợp, người mua hàng và người bán không giải quyết được mâu thuẫn phát sinh trong quá trình giao dịch nhưng lại không có cách nào để liên hệ với chủ quản nền tảng số trung gian để khiếu nại hoặc không có công cụ để thực hiện khiếu nại trực tuyến hoặc trực tiếp do các nền tảng này ít công khai thông tin cụ thể mà thường sử dụng số tổng đài, gây khó khăn cho người tiêu dùng.

2.1.3. Bất cập trong phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT

Trước đây, khi TMĐT mới xuất hiện và bản chất TMĐT là hoạt động không

bị giới hạn bởi địa lý, nhằm đảm bảo công tác quản lý từ trung ương tới địa phương, Nghị định 52 đã quy định giao Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận và xử lý toàn bộ hồ sơ thông báo, đăng ký đối với website/ ứng dụng TMĐT và hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm cũng như là hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển của TMĐT, các thương nhân, tổ chức cá nhân có xu hướng xây dựng website và ứng dụng để bán hàng hóa của mình với chi phí rẻ và nhanh chóng đã làm tăng nhanh số lượng website, ứng dụng TMĐT, đặc biệt là website TMĐT bán hàng. Mỗi năm Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý khoảng trên 10.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng TMĐT bán hàng và khoảng 1.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT. Trong khi đó, thực tế các doanh nghiệp thiết lập website TMĐT bán hàng để bán hàng hóa dịch vụ của mình thì có địa chỉ cố định tại địa phương và đa phần bán hàng trên địa phương đó. Còn các nền tảng số trung gian TMĐT sẽ là nơi tập hợp các người bán trên cả nước và bán hàng hóa đi toàn quốc, thậm chí nước ngoài. do vậy, để thuận tiện cho công tác quản lý, giám sát và thống kê cũng như xây dựng các chính sách phù hợp cho các địa phương, cần có sự phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT tại trung ương và địa phương nhằm định rõ phạm vi quản lý, các loại hình nền tảng số TMĐT nào do cấp nào quản lý, đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, thông qua tuyên truyền, phổ biến, trao đổi nâng cao nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của các cán bộ công chức phụ trách hoạt động TMĐT tại địa phương ngày càng được hoàn thiện.

Ngoài ra, đây cũng là chủ trương lớn của Chính phủ, được chỉ đạo cụ thể tại văn bản số 856/TTg-TCCV Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Kế thừa những quy định hiện hành tại Nghị định 52, đảm bảo xác định chính xác những mô hình hoạt động TMĐT (website/ứng dụng TMĐT, website/ứng dụng cung cấp dịch vụ, mạng xã hội có tính năng đặt hàng trực tuyến, các website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới, v.v...), các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT.

- Đảm bảo không bỏ sót các mô hình hoạt động TMĐT và các chủ thể tham gia.

- Đảm bảo quy định đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể để nâng cao hiệu quả thực thi các quy định.

- Đảm bảo tính phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, không phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản đang có hiệu lực.

- Đảm bảo minh bạch về thẩm quyền, rõ ràng về giới hạn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Kế thừa những quy định hiện hành của Nghị định 52 về các hình thức, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể.

Bổ sung các hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới xuất hiện gần đây.

Bổ sung quy định về định danh người bán trên sàn TMĐT.

Bổ sung quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia vào hoạt động TMĐT.

Phân cấp, phân quyền khi thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký website, ứng dụng TMĐT.

Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1. Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Với việc các người bán trên các sàn TMĐT được định danh và quản lý chặt chẽ hơn, việc thu thuế sẽ hiệu quả hơn, giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thuế. Điều này đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với hoạt động TMĐT xuyên biên giới, những quy định được đưa ra phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế, hải quan nhằm kiểm soát hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài, từ đó, bảo vệ thị trường nội địa và tăng nguồn thu từ thuế nhập khẩu.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Việc luật hóa những quy định về hình thức tổ chức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sẽ tạo khung pháp lý ổn định, vững chắc, giúp doanh nghiệp trong và ngoài nước yên

tâm đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT. Từ đó, giảm thiểu sự mơ hồ và tranh chấp pháp lý, giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, người bán trong việc tuân thủ và thực thi pháp luật.

Ngoài ra, Luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người bán Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng

Khi các hoạt động TMĐT được quản lý chặt chẽ theo luật, người tiêu dùng sẽ cảm thấy an tâm hơn khi mua sắm trực tuyến, từ đó, gia tăng nhu cầu tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, việc quy định cụ thể trách nhiệm của người bán, các nền tảng TMĐT, quyền khiếu nại và phương thức giải quyết tranh chấp giúp bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi lừa đảo, hàng giả, hàng kém chất lượng.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước

Luật sẽ quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan, giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn trong quản lý. Ngoài ra, cũng đòi hỏi sự hợp tác giữa các cơ quan liên quan như Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, giúp đồng bộ hóa chính sách và chia sẻ thông tin.

Đối với những hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới, cơ quan nhà nước sẽ cần phải mở rộng hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra nhiều hơn, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Bổ sung những quy định liên quan đến hình thức tổ chức hoạt động TMĐT sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia tích cực hơn vào thị trường TMĐT, chuyển đổi số, áp dụng các mô hình kinh doanh mới, sử dụng công nghệ hiện đại. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng được thúc đẩy minh bạch trong hoạt động, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, từ đó xây dựng uy tín và niềm tin trong cộng đồng.

- Đối với người tiêu dùng

Việc bổ sung, quy định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong TMĐT, từ đó thay đổi thói quen tiêu dùng và văn hóa mua sắm, thúc đẩy hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

Luật cũng sẽ giúp ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh hàng hóa vi phạm, bảo vệ sức khỏe và an toàn của người dân, đồng thời quy định về nội dung số, quảng cáo và bán hàng trực tuyến sẽ bảo vệ trẻ em khỏi những nội

dung xấu, độc hại, không phù hợp.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

2.4.2. Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 2.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 2A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 2A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

3. Chính sách 03: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Nghị định 52 có nhắc đến trách nhiệm của các đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ TMĐT từ như logistics; tuy nhiên, do là văn bản dưới luật và chỉ hướng dẫn quy định về hoạt động TMĐT, Nghị định thiếu các quy định cụ thể và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý các mô hình trung gian hỗ trợ TMĐT, chưa bao quát được các dịch vụ hỗ trợ TMĐT như các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), và các đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing); Nghị định cũng chưa có những quy định rõ ràng về việc các đơn vị trung gian phải có cơ chế để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hay cơ chế phối hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hàng hoá, sản phẩm

giả, nhái, hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT.

Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT có thể dẫn đến một số vấn đề hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý:

Thứ nhất, thiếu sự quản lý và giám sát đối với các mô hình trung gian. Nếu không có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các đơn vị trung gian, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng và hỗ trợ TMĐT có thể không tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật, chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Điều này có thể dẫn đến môi trường giao dịch không an toàn, gây khó khăn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp trong việc tham gia vào các hoạt động TMĐT.

Thứ hai, tồn tại những rủi ro về an toàn thông tin và an ninh mạng. Khi các đơn vị trung gian như nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và các dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing) có thể không có đủ cơ chế đảm bảo an toàn thông tin, gây ra nguy cơ rò rỉ dữ liệu, xâm phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng và các vấn đề liên quan đến bảo mật trong giao dịch điện tử.

Thứ ba, khi không có cơ chế hợp tác rõ ràng giữa các đơn vị trung gian và cơ quan quản lý nhà nước, việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, như buôn bán hàng giả, hàng nhái, hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT, sẽ trở nên phức tạp. Các cơ quan quản lý sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và xử lý các hành vi vi phạm, làm giảm hiệu quả trong công tác bảo vệ người tiêu dùng, quản lý hoạt động TMĐT và các lĩnh vực liên quan khác.

Thứ tư, việc không có quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian trong việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sẽ tạo ra sự phát triển không bền vững của TMĐT. Việc thiếu rõ ràng trong quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian có thể gây ra môi trường TMĐT không ổn định, không có tính cạnh tranh lành mạnh, làm giảm sự tin tưởng của người tiêu dùng và doanh nghiệp vào các nền tảng TMĐT, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành. Đặc biệt nhiều nền tảng có yếu tố nước ngoài hoạt động không phép ở Việt Nam, nơi trưng bày bán hàng giả, hàng nhái và thậm chí hàng cấm vào thị trường Việt Nam mà không có quy định để ngăn chặn kịp thời. Các đơn vị trung gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT thuộc nhiều bộ ngành khác nhau quản lý, do vậy khi yêu cầu gỡ bỏ hay ngăn chặn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ vi phạm cần phối hợp rất nhiều khâu.

Thứ năm, nhiều chủ quản nền tảng số TMĐT không có đại diện pháp lý tại Việt Nam và không hợp tác với cơ quan QLNN có thẩm quyền trong việc ngăn chặn, xóa bỏ các thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT. Các đối tượng có thể lợi dụng các nền tảng đặt tại nước ngoài để bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ tại thị trường Việt Nam mà không có biện pháp ngăn chặn, không có đầu mối liên hệ, khó khăn trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thứ sáu, nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT như logistics, thanh toán, tiếp thị liên kết, hạ tầng kỹ thuật,... hợp tác, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho các nền tảng TMĐT chưa tuân thủ pháp luật Việt Nam, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. Cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa có chế tài để yêu cầu, xử phạt đối với các chủ thể này.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT.

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nền tảng TMĐT

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 3A:

- Quy định Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp khi có vi phạm về TMĐT xảy ra trên môi trường mạng.

Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.4.1. Phương án 3A

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Khi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hoạt động hợp pháp và được quản lý chặt chẽ, nhà nước có thể thu đúng, thu đủ các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu từ hoạt động TMĐT.

Việc quy định rõ ràng giúp ngăn chặn hành vi trốn thuế, gian lận thương mại, từ đó tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho đầu tư công

và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với doanh nghiệp

Việc xác định rõ ràng phạm vi và vai trò của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tạo điều kiện cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia vào thị trường TMĐT Việt Nam. Điều này mở rộng sự đa dạng dịch vụ, tạo ra môi trường cạnh tranh thúc đẩy chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian giúp kết nối người bán và người mua một cách hiệu quả, giảm chi phí giao dịch, tăng tốc độ và tiện lợi trong mua sắm, từ đó tăng tổng cầu tiêu dùng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tuân thủ sẽ giúp bảo vệ thương hiệu và sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước, các đơn vị làm ăn chân chính, ngăn chặn kịp thời hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng cấm... đến người tiêu dùng.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ tăng tính cạnh tranh, buộc các doanh nghiệp phải cải tiến dịch vụ, giảm giá thành để thu hút khách hàng.

Với nhiều nhà cung cấp dịch vụ, người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn hơn, đáp ứng được nhu cầu khác nhau về sản phẩm và dịch vụ.

b) Tác động về xã hội

- Đối với doanh nghiệp

Quy định này tạo điều kiện cho nhiều ý tưởng kinh doanh mới xuất hiện, khuyến khích sự sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ và sản phẩm.

Các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể sử dụng các nền tảng TMĐT để kinh doanh mà không cần đầu tư lớn về hạ tầng. Điều này khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và tạo cơ hội cho mọi người tham gia vào thị trường.

Sự phát triển của nhiều loại hình dịch vụ TMĐT góp phần đa dạng hóa nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào các ngành truyền thống.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận thị trường quốc tế, học hỏi và trao đổi văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết giữa các dân tộc.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra

nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Việc phát triển các dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT giúp người dân ở mọi vùng miền, đặc biệt là vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, tiếp cận dễ dàng hơn với công nghệ và internet. Điều này góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nâng cao trình độ công nghệ cho toàn xã hội.

Sự gia tăng của các nền tảng TMĐT cung cấp cho người tiêu dùng nhiều lựa chọn hơn về sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của họ.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải tuân thủ các quy định về cung cấp thông tin hàng hóa, dịch vụ, giúp người tiêu dùng có thông tin đầy đủ để đưa ra quyết định mua sắm đúng đắn.

Người dân sẽ dần quen với việc mua sắm trực tuyến, sử dụng các dịch vụ số, hướng đến một xã hội hiện đại và tiện ích hơn.

TMĐT mở ra cơ hội cho người khuyết tật, phụ nữ nội trợ tham gia kinh doanh hoặc làm việc từ xa, giúp họ tự chủ kinh tế và hòa nhập xã hội.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

3.4.2. Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 3.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 3A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 3A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban

hành là Quốc hội.

4. Chính sách 04: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành phải thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương. Tuy nhiên, Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định dịch vụ tin cậy phải thực hiện thủ tục cấp phép. Về bản chất dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là 1 loại hình của dịch vụ tin cậy. do đó đang có sự khác biệt đối xử giữa thủ tục cấp phép cho 2 loại hình này.

- Cơ quan nhà nước gặp trong việc theo dõi và giám sát hoạt động của các dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, dịch vụ tin cậy. Điều này làm gia tăng khả năng vi phạm pháp luật mà không bị phát hiện hoặc xử lý kịp thời. Hơn nữa, các quy định trước đây tại Nghị định số 52 và Nghị định số 85 chỉ yêu cầu đăng ký thủ tục đơn giản, chưa đi sâu vào kết nối trao đổi và đồng bộ dữ liệu hay kết nối định danh người/các bên tham gia ký hợp đồng điện tử. Bên cạnh đó, các quy định cũ chưa có quy định cụ thể về mức độ an toàn của hệ thống thông tin của đơn vị cung cấp dịch vụ, do vậy có nguy cơ không đảm bảo an toàn hệ thống, dữ liệu lưu trữ v.v... dẫn tới nhiều hậu quả trong tương lai.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đối xử công bằng đối với các loại hình cung cấp dịch vụ tin cậy
- Nhanh chóng phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Quy định thủ tục cấp phép cho dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử được chứng thực.

- Quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử mà mình thực hiện chứng thực.

Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

a) Tác động về kinh tế - xã hội

Việc sử dụng hợp đồng điện tử được chứng thực hợp pháp giúp doanh nghiệp:

- Tiết kiệm chi phí vận hành: Giảm thiểu chi phí in ấn, lưu trữ và vận chuyển so với hợp đồng giấy truyền thống.

- Tăng tốc độ giao dịch: Hợp đồng có thể được ký kết và xử lý trong tích tắc, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý hay thời gian.

- Nâng cao tính bảo mật và an toàn: Công nghệ mã hóa và chứng thực điện tử bảo vệ thông tin khỏi rủi ro gian lận hay truy cập trái phép.

- Lưu trữ an toàn, tra cứu dễ dàng tra cứu : Hợp đồng được lưu trữ trên hệ thống số giúp người dùng có thể truy cập, tìm kiếm mọi lúc, mọi nơi bằng các thiết bị điện tử như máy tính, laptop, điện thoại thông minh,... chỉ cần có mạng Internet, dễ dàng hơn so với hợp đồng bằng giấy.

- Sử dụng làm chứng cứ khi có tranh chấp : các hệ thống ký điện tử có tính năng lưu lại lịch sử ký (người ký, tên công ty, IP máy tính, thời gian ký ...) khi ký hợp đồng điện tử. Vì vậy, nếu có xảy ra tranh chấp, các bên đều có thể dùng hợp đồng điện tử để làm chứng cứ xử lý tranh chấp.

Quy định cấp phép rõ ràng tạo ra một khung pháp lý vững chắc, tăng cường tính minh bạch và tin cậy trong thương mại, giúp:

- Xây dựng niềm tin giữa các bên giao dịch: Khi biết rằng hợp đồng điện tử được chứng thực và bảo vệ bởi pháp luật, các doanh nghiệp cảm thấy an tâm hơn khi ký kết.

- Giảm thiểu tranh chấp pháp lý: Các điều khoản và chữ ký điện tử được lưu trữ và truy xuất dễ dàng, giúp giải quyết nhanh chóng nếu có vấn đề phát sinh.

Mở rộng cơ hội thị trường và nâng cao cạnh tranh:

- Tiếp cận thị trường quốc tế: Doanh nghiệp có thể dễ dàng hợp tác với đối tác nước ngoài thông qua hợp đồng điện tử, không bị cản trở bởi thủ tục giấy tờ phức tạp. Tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận và giao thương với đối tác khắp nơi trên thế giới

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo: Sự thuận lợi trong giao dịch thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu cơ bản đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%. Quy định này góp phần vào mục tiêu quốc gia về kinh tế số:

- Hiện đại hóa hạ tầng pháp lý: Đáp ứng nhu cầu của thời đại công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững: Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển và đóng góp vào GDP quốc gia.

Sự phát triển của hợp đồng điện tử không chỉ dừng lại ở thương mại mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như tài chính, bất động sản, và dịch vụ công. Việc nắm bắt xu hướng này sẽ giúp doanh nghiệp và quốc gia đón đầu công nghệ mới và thích ứng với thay đổi thị trường.

b) Tác động về môi trường: việc sử dụng các hợp đồng điện tử có thể mang lại nhiều lợi ích to lớn và lâu dài cho môi trường và kinh tế giảm chi phí giấy tờ, in ấn – 0 chi phí chuyển phát hợp đồng – 0 chi phí cơ sở vật chất lưu trữ hợp đồng.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Hiện nay, các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được Bộ Công Thương triển khai thực hiện. Đến hết năm 2024, đã có tổng cộng 11 doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Việc nâng cấp thành luật những quy định liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

4.4.2. Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 4.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 4A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 4A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban

hành là Quốc hội.

5. Chính sách 05: Quy định về xây dựng, phát triển TMĐT

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP đã đưa ra các khung pháp lý cơ bản về hoạt động và các mô hình hoạt động của TMĐT. Nghị định cũng đã có những quy định cơ bản về Chương trình phát triển TMĐT quốc gia tại Điều 7, về cơ bản đây là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động phát triển TMĐT theo từng giai đoạn nhằm mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng TMĐT để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giao dịch thương mại trong nước và xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng TMĐT theo hướng hiện đại hóa; Nghị định năm 2013 cũng chỉ ra được 07 nội dung hoạt động của Chương trình. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của TMĐT, các quy định hiện hành cần được điều chỉnh theo hướng TMĐT phát triển bền vững để duy trì sự phát triển lâu dài.

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) công bố năm 2024, sự phát triển nhanh chóng của ngành TMĐT Việt Nam kéo theo nhiều vấn đề môi trường, đặc biệt là rác thải từ đóng gói, hoàn thiện đơn hàng và giao đồ ăn trực tuyến. Nếu không có giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu rác thải nhựa, dự báo rằng đến năm 2030, khi quy mô thị TMĐT đạt 100 tỷ USD, lượng rác thải nhựa từ lĩnh vực này có thể lên tới 800.000 tấn. Trong năm qua, thị trường mua sắm trực tuyến và giao đồ ăn tại Việt Nam đã đạt quy mô lần lượt 22 tỷ USD và 1 tỷ USD, thải ra khoảng 160.000 tấm bìa carton và 171.000 tấn nhựa, chủ yếu là loại nhựa dùng một lần, theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF). Riêng ngành TMĐT đã thải ra hơn 7.600 tấn nhựa để bán ra 1 tỷ USD, trong khi giao đồ ăn thải gần 18.600 tấn nhựa.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy, TMĐT đang đối mặt với vấn đề gia tăng đáng kể lượng rác thải từ bao bì đóng gói và vận chuyển, gây áp lực lớn lên môi trường. Đồng thời, các tiêu chuẩn xanh và trách nhiệm phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu phổ biến trong hoạt động TMĐT toàn cầu, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tích hợp các giải pháp giảm phát thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và xây dựng chuỗi cung ứng xanh. Vì vậy, việc xây dựng chính sách TMĐT giai đoạn tới cần nhấn mạnh vào phát triển hạ tầng TMĐT thân thiện với môi trường, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và tăng cường nhận thức người tiêu dùng về tiêu dùng bền vững. Những bước đi này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn nâng cao tính cạnh tranh của TMĐT Việt Nam, góp phần tạo nên một nền kinh tế số phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, một trong những vấn đề được quan tâm trong bối cảnh toàn cầu hóa là Thương mại số. Xét về nội hàm không phải là một khái niệm mới. Các giao dịch thương mại được thực hiện với sự hỗ trợ của công nghệ số đã xuất hiện

rất nhiều năm trước đây. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số, quy mô, số lượng các giao dịch thương mại và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh thương mại mới liên quan đến công nghệ số đã và đang làm thay đổi nhận thức của doanh nghiệp và người dân về thương mại trên nền tảng số. Bên cạnh các loại hình thương mại khác, thương mại số đã phát triển nhanh chóng, ngày càng được quan tâm trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đang đối mặt với những thách thức trong việc xây dựng khung khổ pháp lý, thể chế để điều chỉnh các quan hệ tham gia thương mại số, vừa để đảm bảo thương mại số vận hành thông suốt, vừa đảm bảo các cơ hội, lợi ích của thương mại số được thực hiện và chia sẻ một cách hài hòa. Do vậy, cần có những quan điểm, chỉ đạo bước đầu để từng bước luật hóa chính sách đối với thương mại số. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại số.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ về thúc đẩy phát triển TMĐT¹.

- Thúc đẩy TMĐT phát triển xanh, bền vững, góp phần phát triển kinh tế hiệu quả, tạo giá trị cho cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 5A: Bổ sung, hoàn thiện chính sách của về phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng TMĐT trong hoạt động

Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Phương án 5A: Bổ sung chính sách của nhà nước về phát triển TMĐT

a) Tác động về kinh tế

- + Đối với nhà nước: Cần bố trí các nguồn lực từ trung ương đến địa phương để tham gia thúc đẩy phát triển TMĐT bền vững

- + Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp cần đầu tư thêm vào công nghệ và

¹ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Phần III. Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Mục 6 về Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên nêu rõ: “Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như ... TMĐT”

đổi mới quy trình kinh doanh để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, đặc biệt là TMDT xanh.

+ Đối với người dân: Giá cả sản phẩm có thể tăng do chi phí áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và cải thiện hạ tầng.

b) Tác động về xã hội

+ Đối với nhà nước: Hỗ trợ quá trình kiểm tra, giám sát và căn cứ thực tiễn phát triển để có định hướng chính sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển TMDT.

+ Đối với các nhà đầu tư nước ngoài: Thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Người dân được tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao thông qua TMDT.

c) Tác động về môi trường

+ Đối với nhà nước: giám sát, đánh giá và điều chỉnh các chính sách TMDT nhờ vào các chỉ số đánh giá được xây dựng, bảo vệ môi trường

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp có ý thức trong việc bảo vệ môi trường

+ Đối với người dân: Giảm thiểu lượng rác thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường sống.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMDT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

5.4.2. Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập

như đã nêu ở mục 5.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 5A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 5A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của đề nghị xây dựng Luật TMĐT, Bộ Công Thương đã tiến hành xin ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hiệp hội TMĐT Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với dự thảo Báo cáo; đăng tải dự thảo Báo cáo trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương trong thời gian 30 ngày theo quy định để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Bộ Công Thương đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện các chính sách như được nêu trong Báo cáo này.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực thi chính sách: Bộ Công Thương, các Bộ ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

2. Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Bộ Công Thương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật TMĐT, Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TMĐT (CS).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên